**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN GDKT &PL 11, THỜI GIAN LÀM BÀI 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | **Tổng** | | | **Tỉ lệ % điểm** |
| **TNKQ** | | | | | | **Tự luận** | | |  | | |  |
| *Nhiều lựa chọn* | | | *Đúng - Sai* | | |  | | |
| **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** |  |
| 1 | Chủ đề 7. Quyền bình đẳng của công dân | Bài 10. Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật | C1,C2  (II**I)** |  |  | 1a  (II**I)** | 1b  (II**I)** | 1c,1d  (II**I)** |  |  |  | 3 | 1 | 2 | 15% |
| Bài 11. Bình đẳng giới trong đời sống xã hội | C3,  C4  (II**I)** |  |  | 2a  (I**)** | 2b  (I**)** | 2c,2d  (I**)** |  | 1C  (II**I)** |  | 3 | 2 | 2 | 35% |
| Bài 12. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo | C5,  (II**I)**  C6  (I**)** |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 5% |
| 2 | Chủ đề 8 Một số quyền tự do cơ bản của công dân | Bài 13. Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội | C7,  C8  (II**I)** |  |  |  |  |  |  |  | 1C  (II**)** | 2 |  | 1 | 15% |
| Bài 14. Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử | C  9,10  (I) |  |  | 3a  (I) | 3b  (I) | 3c,  3d  (I) |  |  | 2 | 3 | 1 | 2 | 15% |
| Bài 15. Quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo | C11,C12  (I) |  |  | 4a  (I) | 4 b  (I) | 4c,  4d  (I) |  |  | 2 | 3 | 1 | 2 | 15% |
| **Tổng số câu** | | | **12** |  |  | **4** | **4** | **8** |  | **1** | **1** | **16** | **5** | **9** | **30** |
| **Tổng số điểm** | | | **3** |  |  | **1** | **1** | **2** |  | **2** | **1** | **4,0** | **3,0** | **3,0** | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30** | | | **40** | | | **30** | | | **40** | **30** | **30** | **100** |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá** | | | | | | | | |
| **TNKQ** | | | | | | **Tự luận** | | |
| *Nhiều lựa chọn* | | | *Đúng - Sai* | | |
| **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** |
| 1 | Chủ đề 7. Quyền bình đẳng của công dân  Chủ đề 9 Một số quyền tự do cơ bản của công dân | Bài 10. Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật | **Nhận biết:**  -Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí).  **Thông hiểu:**  – Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội.  **Vận dụng:**  – Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.  – Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân. | C1,2  (III) |  |  | 1a  (III) | 1b  (III) | 1c,  1d  (III) |  |  |  |
| Bài 11. Bình đẳng giới trong đời sống xã hội | **Nhận biết**:  - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực;  **Thông hiểu:**  - Nhận biết được ý nghĩa của bình đẳng giới đối với đời sống con người và xã hội.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được các hành vi vi phạm bình đẳng giới trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.  - Thực hiện được quy định của pháp luật về bình đẳng giới. | C3,4  (III) |  |  | 2a  (I) | 2b  (I) | 2c,  2d  (I) |  | 1C  (III) |  |
| Bài 12. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo | **Nhận biết:**  - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.  - Nhận biết được ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội. | C5  (III)  6  (I) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chủ đề 8 Một số quyền tự do cơ bản của công dân | Bài 13. Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội | **Nhận biết:**  - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.  - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.  **Thông hiểu:**  - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền dân chủ của công dân.  - Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân. | C7  (III)  C8  (I) |  |  |  |  |  |  | 1C  (II) |  |
| Bài 14. Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử | **Nhận biết:**  - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật vể quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử.  - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử.  **Thông hiểu**:  - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền bầu cử và ứng cử của công dân.  **Vận dụng:**  - Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền bầu cử và ứng cử của công dân. | C  9,10  (I) |  |  | 3a  (I) | 3b  (I) | 3c,  3d  (I) |  |  |  |
| Bài 15. Quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo | **Nhận biết:**  - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo  - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về về khiếu nại, tố cáo  **Thông hiểu**:  - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về về khiếu nại, tố cáo của công dân.  **Vận dụng:**  - Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền khiếu nại, tố cáo của công dân. | C11,C12  (I) |  |  | 4a  (I) | 4b  (I) | 4c,  4d  (I) |  |  |  |
| **Tổng số câu** | | |  | 12 |  |  | 4 | 4 | 8 | 1 | 1 | 30 |
| **Tổng số điểm** | | |  | 3,0 | | | 4,0 | | | 3,0 | | |
| **Tỉ lệ %** | | |  | 30 | | | 40 | | | 30 | | |

### Ghi chú:

I – Năng lực điều chỉnh hành vi

II – Năng lực phát triển bản thân

III – Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH